

TỔNG CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY  
DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10 /CV-CTX-TKTCT

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam
  - Mã chứng khoán: CTX
  - Địa chỉ: Tầng 2, nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
  - Điện thoại liên hệ/Tel: (024) 6281.2000 Fax: (024) 3782.0176
  - Email:..... Website: <http://www.ctx.vn>
2. Nội dung thông tin công bố
  - Báo cáo tài chính năm 2025
    - ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc;
    - ☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
    - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
  - Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
  - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025)
    - ☐ Có ☒ Không
  - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
    - ☐ Có ☒ Không
  - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):
    - ☐ Có ☒ Không
  - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
    - ☐ Có ☒ Không



- + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

- + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 30/03/2026 tại đường dẫn: <http://ctx.vn/co-dong/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm:

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: giao dịch chuyển nhượng dự án đầu tư xây dựng tổ hợp công trình trung tâm thương mại, căn hộ và văn phòng tại lô đất A1-2, khu đô thị mới Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
- Tỷ trọng giá trị giao dịch / tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính riêng bán niên 2025 đã soát xét): 85,06%.
- Ngày hoàn thành giao dịch: 24/07/2025.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Riêng năm 2025 kiểm toán;
- BCTC Hợp nhất năm 2025 kiểm toán;
- Văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế.

**Đại diện tổ chức**  
**Người được ủy quyền CBTT**



**Trần Anh Hải**





Số: 69 /CV-CTX-TKTCT

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên BCTC kiểm toán năm 2025

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

**Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

1. Tên công ty: Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam  
Mã chứng khoán: CTX  
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, Nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (024) 6281.2000- Fax: (024) 3782.0176 - Email: info@ctx.vn
2. Người được ủy quyền công bố thông tin: Ông Trần Anh Hải
3. Nội dung thông tin công bố:
  - 3.1 Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2025:  
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chủ yếu: Trong kỳ doanh nghiệp có hoạt động chuyển nhượng dự án bất động sản nên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng hơn 42.207,1% so với cùng kỳ năm trước, làm cho LNST của doanh nghiệp tăng 28.184,4% so với cùng kỳ năm trước.
  - 3.2 Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế (LNST) thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh Hợp nhất đã kiểm toán năm 2025:  
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chủ yếu là do: Trong kỳ doanh nghiệp có hoạt động chuyển nhượng dự án bất động sản nên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng hơn 3.636,38% so với cùng kỳ năm trước, làm cho LNST của doanh nghiệp tăng 1.644,9% so với cùng kỳ năm trước.
4. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 30/03/2026 tại đường dẫn: <http://ctx.vn/co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TKTCT.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT****TRẦN ANH HẢI**

**GIẤY ỦY QUYỀN****Căn cứ:**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 số 2017/NĐCTX-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 06 năm 2017.
- Quyết định số 20/2020/QĐ-CTX-TCNS ngày 12 tháng 06 năm 2020 về việc bổ nhiệm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán.

**1. Người ủy quyền:**

- Ông : **Phan Minh Tuấn**
- Thẻ căn cước công dân số: 001073010806 do Cục cảnh sát ĐKQLCT và DLQG về dân cư cấp ngày 15/09/2016.
- Chức vụ : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (CTX Holdings).

**2. Người được ủy quyền:**

- Bà : **Hoàng Thị Hương Lan**
- Số CMTND : 013505021 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 19/01/2012
- Chức vụ : Trưởng phòng Tài chính - Kế toán

**3. Nội dung ủy quyền:**

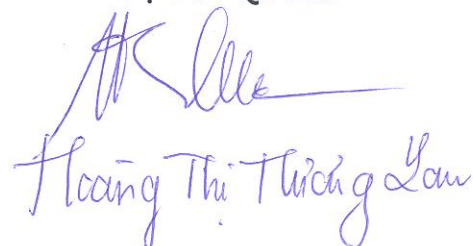
- Ông Phan Minh Tuấn, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc ủy quyền cho bà Hoàng Thị Hương Lan, trưởng phòng Tài chính - Kế toán thay mặt cho Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam ký: Bộ báo cáo tài chính văn phòng và hợp nhất năm, bán niên, quý của Tổng Công ty CTX Holdings (báo cáo tự lập và báo cáo kiểm toán) theo qui định của pháp luật.
- Người được ủy quyền nêu trên chỉ được thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của Tổng công ty CTX Holdings và chịu hoàn toàn trước pháp luật và Tổng công ty CTX Holdings về những công việc trong phạm vi được ủy quyền.

**4. Thời hạn ủy quyền:**

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt khi công việc theo nội dung ủy quyền được hoàn thành hoặc có văn bản khác thay thế văn bản này./.

**NGƯỜI ỦY QUYỀN**

**TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHAN MINH TUẤN**

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

**Hoàng Thị Hương Lan**



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán riêng	7 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	12 - 47





## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.

### **TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) là một Tổng Công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là Công ty Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam theo Quyết định số 655/QĐ-BXD ngày 13/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Tổng Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103017485 lần đầu ngày 25/5/2007, thay đổi lần thứ 12 ngày 04/10/2019 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100109441, thay đổi lần thứ 13 ngày 06/02/2026 do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính TP. Hà Nội cấp về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 06/02/2026 là: 1.004.067.400.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn, không trăm linh bốn tỷ, không trăm sáu bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: VIETNAM INVESTMENT CONSTRUCTION AND TRADING JOINT STOCK CORPORATION.

Tên Công ty viết tắt là: CONSTREXIM HOLDINGS.

Cổ phiếu của Tổng Công ty giao dịch trên thị trường UpCOM với mã giao dịch: CTX.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Tầng 2 tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phan Minh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hưng	Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm ngày 21/11/2025)
Ông Trần Khanh	Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm ngày 21/11/2025)
Bà Chu Thị Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm ngày 21/11/2025)
Ông Lý Quốc Hùng	Thành viên
Ông Trần Hải Anh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/11/2025)
Bà Hoàng Thị Hương Lan	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/11/2025)
Ông Phạm Sỹ Tiệp	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/11/2025)

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Lý Văn Khả	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trần Anh Tú	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/11/2025)
Ông Nguyễn Toàn Thắng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/11/2025)
Ông Bùi Hồng Quang	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/11/2025)
Bà Phan Thị Tố Hoa	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/11/2025)

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phan Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Lý Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Thu Lý	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 11/8/2025)
Bà Hoàng Thị Hương Lan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Hải Bình	Phó Tổng Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện được nêu tại Thuyết minh số 7.3 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, xét trên những khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,

**T.UQ Tổng Giám đốc**



**Hoàng Thị Hương Lan**

**Phó Tổng Giám đốc**

*(Giấy ủy quyền số 01/GUQ-CTX-VP ngày 21/01/2025)*

*Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026*

Số: 254/2026/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026, từ trang 07 đến trang 47, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính riêng đến Thuyết minh số 5.10 của Báo cáo tài chính riêng về việc Tổng Công ty đã ghi nhận chi phí đầu tư xây dựng tầng 1 của các tòa nhà CT3, CT4-5 và CT6 thuộc Dự án Khu đô thị mới Yên Hòa là tài sản của Tổng Công ty dựa theo Quyết định số 153/2006/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ("UBND thành phố Hà Nội") ban hành ngày 31/8/2006. Tuy nhiên, theo Công văn số 985/UB-NNĐC do UBND TP. Hà Nội ban hành ngày 31/3/2004, Tổng Công ty có trách nhiệm bàn giao tầng 1 của các tòa nhà cao tầng này cho Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội (Nay là Nông nghiệp và Môi trường) theo quyết định. Tổng Công ty hiện đang làm việc với các cơ quan hữu quan để giải quyết các nội dung này.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề nêu trên.

**Vấn đề khác**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Tổng Công ty chưa thực hiện theo khoản 2 Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán về việc Chủ tịch Hội đồng Quản trị không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Tổng Công ty do Đại hội đồng cổ đông không thông qua.



**Nguyễn Thị Mai Hoa**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026

**Vũ Xuân Hùng**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 4015-2022-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>1.810.552.057.407</b>	<b>765.547.109.788</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>236.372.419.300</b>	<b>67.771.919.555</b>
1. Tiền	111		116.372.419.300	67.771.919.555
2. Các khoản tương đương tiền	112		120.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>640.145.970.051</b>	<b>131.970.051</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2.549.370.051	2.549.370.051
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.403.400.000)	(2.417.400.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		640.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>625.451.755.499</b>	<b>669.800.758.226</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	192.601.841.745	234.047.734.910
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	196.671.462.000	165.797.964.718
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	391.268.082.583	426.305.789.985
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(155.089.630.829)	(156.350.731.387)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>295.483.041.936</b>	<b>26.086.585.769</b>
1. Hàng tồn kho	141		295.483.041.936	26.086.585.769
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.098.870.621</b>	<b>1.755.876.187</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.12	174.824.703	132.424.220
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.497.060.402	198.712.436
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.8	1.426.985.516	1.424.739.531
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>848.261.002.167</b>	<b>1.287.796.355.632</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.450.141</b>	<b>3.450.141</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	3.450.141	3.450.141
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>874.335.962</b>	<b>1.036.127.330</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	874.335.962	1.036.127.330
- Nguyên giá	222		7.814.560.485	7.814.560.485
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.940.224.523)	(6.778.433.155)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.10</b>	<b>9.296.743.240</b>	<b>10.622.802.556</b>
1. Nguyên giá	231		34.003.079.625	34.003.079.625
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(24.706.336.385)	(23.380.277.069)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>87.407.201.380</b>	<b>548.995.796.205</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	87.407.201.380	548.995.796.205
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>750.180.655.722</b>	<b>726.808.199.099</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		771.173.899.998	771.173.899.998
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		32.933.412.413	32.933.412.413
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		12.012.898.701	12.012.898.701
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(65.939.555.390)	(89.312.012.013)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>498.615.722</b>	<b>329.980.301</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	498.615.722	329.980.301
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>2.658.813.059.574</b>	<b>2.053.343.465.420</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.410.802.246.308</b>	<b>1.005.168.261.135</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.107.985.533.917</b>	<b>863.539.185.189</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	178.887.448.313	158.981.820.222
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	29.615.559.056	28.725.159.059
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	75.090.441.706	266.264.302
4. Phải trả người lao động	314		1.391.607.297	754.032.793
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	243.531.253.069	193.369.740.674
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	332.894.734.099	333.282.168.139
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	246.574.490.377	148.160.000.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>302.816.712.391</b>	<b>141.629.075.946</b>
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.15	301.861.552.504	141.629.075.946
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	955.159.887	-
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.248.010.813.266</b>	<b>1.048.175.204.285</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>1.248.010.813.266</b>	<b>1.048.175.204.285</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		789.072.760.000	789.072.760.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		789.072.760.000	789.072.760.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		458.938.053.266	259.102.444.285
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		259.102.444.285	258.395.916.488
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		199.835.608.981	706.527.797
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>2.658.813.059.574</b>	<b>2.053.343.465.420</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập/Kế toán trưởng



**Đỗ Quốc Việt**

**T.UQ Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc**




**Hoàng Thị Hương Lan**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	5.868.987.939.913	13.872.350.457
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		5.868.987.939.913	13.872.350.457
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	5.616.609.359.957	7.714.913.063
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		252.378.579.956	6.157.437.394
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	15.906.029.427	1.294.449.815
7. Chi phí tài chính	22	6.4	(22.222.604.230)	(4.950.309.049)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.163.852.393	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	15.536.915.337	11.381.271.716
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		274.970.298.276	1.020.924.542
11. Thu nhập khác	31	6.6	548.382.448	552.000.000
12. Chi phí khác	32	6.6	663.900.920	671.454.975
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(115.518.472)	(119.454.975)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		274.854.779.804	901.469.567
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	75.019.170.823	194.941.770
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		199.835.608.981	706.527.797

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập/Kế toán trưởng



**Đỗ Quốc Việt**

**T.UQ Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc**



**Hoàng Thị Hương Lan**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		274.854.779.804	901.469.567
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		1.487.850.684	1.487.850.684
- Các khoản dự phòng	03		(24.647.557.181)	(4.950.309.049)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(725.792)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(260.621.596.792)	(1.293.724.023)
- Chi phí lãi vay	06		1.163.852.393	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(7.762.671.092)	(3.855.438.613)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		41.463.755.909	7.544.989.734
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(269.396.456.167)	(3.901.720.286)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		23.048.933.202	(48.967.842.983)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(211.035.904)	(39.968.477)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(199.074.159)	(70.297.301)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(213.056.548.211)	(49.290.277.926)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.935.539.173.455)	(2.759.656.023)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		5.850.029.948.182	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(640.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	45.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.751.782.852	1.711.089.419
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		283.242.557.579	43.951.433.396



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		146.574.490.377	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(48.160.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>98.414.490.377</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b> (50 = 20+30+40)	<b>50</b>		<b>168.600.499.745</b>	<b>(5.338.844.530)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>67.771.919.555</b>	<b>73.110.038.293</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	725.792
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b> (70 = 50+60+61)	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>236.372.419.300</b>	<b>67.771.919.555</b>

Người lập/Kế toán trưởng



**Đỗ Quốc Việt**

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026

**T.Ư. Tổng Giám đốc**  
**Phó Tổng Giám đốc**




**Hoàng Thị Hương Lan**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam là một Tổng Công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là Công ty Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam theo Quyết định số 655/QĐ-BXD ngày 13/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Tổng Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103017485 lần đầu ngày 25/5/2007, thay đổi lần thứ 12 ngày 04/10/2019 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100109441, thay đổi lần thứ 13 ngày 06/02/2026 do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính TP. Hà Nội cấp về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 06/02/2026 là: 1.004.067.400.000 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn, không trăm linh bốn tỷ, không trăm sáu bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng*).

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: VIETNAM INVESTMENT CONSTRUCTION AND TRADING JOINT STOCK CORPORATION.

Tên Tổng Công ty viết tắt là: CONSTREXIM HOLDINGS.

Cổ phiếu của Tổng Công ty giao dịch trên thị trường UPCOM với mã giao dịch: CTX.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Tầng 2 tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, Phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025 là 55 người (tại ngày 31/12/2024 là 47 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tổng Công ty là:

- Đầu tư, kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng và nhà ở; và vận hành kinh doanh khách sạn.
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Tư vấn giám sát xây dựng và mua sắm;
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

**1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động kinh doanh bất động sản và xây lắp của Tổng Công ty không được xác định một cách rõ ràng mà phụ thuộc vào từng hợp đồng, dự án mà Tổng Công ty thực hiện.

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có các Công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

**Các đơn vị trực thuộc:**

<i>Tên Chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
1. Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam tại Hải Dương	Số 42, phố Lê Chân, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng
2. Trung tâm Kinh doanh Thương mại - Dịch vụ Constrexim TS - Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	Số 39, phố Nguyễn Đình Chiểu, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

*Các Công ty con, Công ty liên kết:*

	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>				
Công ty TNHH CTX số 1	100%	100%	100%	Thi công, xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp
Công ty TNHH Apas Hospitality (trước đây là Công ty TNHH CTX số 3)	100%	100%	100%	Cung cấp dịch vụ quản lý và cho thuê bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Constrexim	81%	81%	81%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina	99,95%	99,95%	99,95%	Phát triển dự án khách sạn và trung tâm thương mại
Công ty Cổ phần Địa ốc Sum Lâm	94%	94%	94%	Phát triển dự án bất động sản
Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	98%	98%	98%	Phát triển dự án thủy điện
Công ty Cổ phần Ocean View Nha Trang	90%	90%	90%	Phát triển dự án bất động sản
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	100%	100%	100%	Phát triển dự án đang quản lý và kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH CTX Số 2	100%	100%	100%	Đầu tư phát triển dự án Bất động sản
Công ty cổ phần ICP	99,95%	99,95%	99,95%	Quản lý vận hành kinh doanh khách sạn
<b>Công ty liên doanh liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Constrexim Đức Tân Long	28%	28%	28%	Sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Constrexim Hồng Hà	20 %	20%	20%	Thi công xây lắp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn xây dựng Constrexim (ICC)	30 %	30%	30%	Thi công xây lắp, Tư vấn thiết kế công trình
Công ty Cổ phần Constrexim Đông Đô	27%	27%	27%	Thi công xây lắp
Công ty Cổ phần ĐTXD và lắp máy Điện nước Constrexim Toàn Cầu	20%	20%	20%	Thi công xây lắp
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Tư vấn Thiết kế Constrexim (CID)	20%	20%	20%	Thi công xây lắp, Tư vấn thiết kế.
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Cầu kiện Constrexim	30%	30%	30%	Thi công xây lắp.

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng**

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, không bao gồm số liệu của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác***

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

**Các khoản đầu tư khác:** Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

**Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư**

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Các công trình xây dựng được tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 40
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Tài sản khác	05

Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty là các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty gồm cả các khoản phải trả giữa Tổng Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ. Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay.
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản...

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng cho thuê.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

***Doanh thu xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

***Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:***

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

***Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán***

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

***Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính***

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	80.457.004	1.401.381.230
Tiền gửi ngân hàng	116.291.962.296	66.370.538.325
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	120.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	120.000.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>236.372.419.300</b>	<b>67.771.919.555</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Chứng khoán kinh doanh**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (ii)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (ii)	Dự phòng
<b>Tổng giá trị cổ phiếu</b>	<b>2.549.370.051</b>	<b>145.158.900</b>	<b>(2.403.400.000)</b>	<b>2.549.370.051</b>	<b>132.730.550</b>	<b>(2.417.400.000)</b>
Trong đó:						
Cổ phiếu Công ty CP Constrexim Việt CZ (i)	862.400.000		(862.400.000)	862.400.000		(862.400.000)
- CTCP Phát triển Công trình Viễn thông	390.000.000	145.000.000	(245.000.000)	390.000.000	131.000.000	(259.000.000)
- Ngân hàng TMCP Đông Á	1.296.000.000	-	(1.296.000.000)	1.296.000.000	-	(1.296.000.000)
- CTCP Tập đoàn Hòa Phát	170.051	158.900	-	170.051	186.550	-
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	800.000	-	-	800.000	1.544.000	-
<b>Tổng</b>	<b>2.549.370.051</b>	<b>145.158.900</b>	<b>(2.403.400.000)</b>	<b>2.549.370.051</b>	<b>132.730.550</b>	<b>(2.417.400.000)</b>

- (i) Cổ phiếu của Công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Tổng Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

**b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>640.000.000.000</b>	<b>640.000.000.000</b>	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng TMCP (*)	640.000.000.000	640.000.000.000	-	-
<b>Tổng</b>	<b>640.000.000.000</b>	<b>640.000.000.000</b>	-	-

(\*) Khoản tiền gửi tại các Ngân hàng TMCP với kỳ hạn trên 3 tháng và lãi suất từ 4,75% đến 7,5%/năm. Trong đó, Tổng công ty thực hiện thế chấp để giải ngân vay thấu chi tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Mỹ Đình số tiền 400.000.000.000 đồng. Đến ngày 31/12/2025 đã giải ngân 146.574.490.377 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tỷ lệ	31/12/2025 (VND)				01/01/2025 (VND)			
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Đầu tư vào Công ty con			771.173.899.998		(22.366.381.956)	771.173.899.998		(45.685.418.659)
Công ty TNHH CTX số 1	100%	100%	20.580.000.000	(*)	(11.728.535.377)	20.580.000.000	(*)	(9.889.843.056)
Công ty TNHH Apas Hospitality (trước đây là Công ty TNHH CTX số 3)	100%	100%	1.000.000.000	(*)	(1.000.000.000)	1.000.000.000	(*)	(451.433.832)
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Constrexim	81%	81%	8.100.000.000	(*)	(8.100.000.000)	8.100.000.000	(*)	(8.100.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina (i)	99,95%	99,95%	174.675.000.000	(*)	(1.236.975.996)	232.900.000.000	(*)	(25.775.186.440)
Công ty Cổ phần ICP (i)	99,95%	99,95%	58.225.000.000	(*)	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Sum Lâm	94%	94%	121.392.900.000	(*)	-	121.392.900.000	(*)	(1.215.963.628)
Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	98%	98%	102.142.999.998	(*)	(300.870.583)	102.142.999.998	(*)	(252.991.703)
Công ty Cổ phần Ocean View Nha Trang	90%	90%	53.775.000.000	(*)	-	53.775.000.000	(*)	-
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	100%	100%	225.283.000.000	(*)	-	225.283.000.000	(*)	-
Công ty TNHH CTX Số 2	100%	100%	6.000.000.000	(*)	-	6.000.000.000	(*)	-

(i): Trong năm, Tổng công ty có thực hiện Tách Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 80/2024/NQ-CTX-HĐQT ngày 31/12/2024.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Tầng 2 nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>b) Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết</b>	<b>32.933.412.413</b>	<b>(32.933.412.413)</b>	<b>32.933.412.413</b>	<b>(32.933.412.413)</b>
Công ty Cổ phần Constrexim Đức Tân Long	18.433.412.413	(*)	18.433.412.413	(*)
Công ty Cổ phần Constrexim Hồng Hà	5.000.000.000	(*)	5.000.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn xây dựng Constrexim (ICC)	3.000.000.000	(*)	3.000.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Constrexim Đồng Đô	2.700.000.000	(*)	2.700.000.000	(*)
Công ty Cổ phần ĐTXD và lắp máy Điện nước Constrexim Toàn Cầu	1.000.000.000	(*)	1.000.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Tư vấn Thiết kế Constrexim (CID)	1.000.000.000	(*)	1.000.000.000	(*)
Công ty Cổ phần xây lắp và Sản xuất Cầu kiện Constrexim	1.800.000.000	(*)	1.800.000.000	(*)

Trong giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào các Công ty liên doanh, liên kết có giá trị lợi thế kinh doanh của Tổng Công ty góp vốn vào các Công ty này tại ngày 31/12/2025 với số tiền là 3.932.770.000 VND (tại ngày 31/12/2024 là 3.932.770.000 VND).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Tầng 2 nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>c) Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>12.012.898.701</b>	<b>(10.639.761.021)</b>	<b>12.012.898.701</b>	<b>(10.693.180.941)</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và XNK Cảnh Viên	2.765.700.000	(*)	2.765.700.000	(*)
Công ty Cổ phần Constrexim Đầu tư và xây lắp Cao tầng	1.800.000.000	(*)	1.800.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Constrexim số 1	1.500.000.000	(*)	1.500.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Constrexim số 8 (i)	979.383.081	901.029.600	979.383.081	714.947.400
Công ty Cổ phần Constrexim số 6	690.000.000	(*)	690.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (i)	660.000.000	443.470.800	660.000.000	458.040.000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà Constrexim (HOD)	625.000.000	(*)	625.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Constrexim TM	549.950.000	(*)	549.950.000	(*)
Công ty Cổ phần Constrexim Meco	500.000.000	(*)	500.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Constrexim Bình Định	500.000.000	(*)	500.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Constrexim Miền Trung	450.000.000	(*)	450.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Constrexim (CIC)	400.000.000	(*)	400.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Constrexim Việt Séc	320.000.000	(*)	320.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Constrexim Hải phòng	272.865.620	(*)	272.865.620	(*)
<b>Tổng</b>	<b>816.120.211.112</b>	<b>(65.939.555.390)</b>	<b>816.120.211.112</b>	<b>(89.312.012.013)</b>

Trong giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào các đơn vị khác có giá trị lợi thế kinh doanh của Tổng Công ty góp vốn vào các Công ty này tại ngày 31/12/2025 với số tiền là 6.907.400.000 VND (tại ngày 31/12/2024 là 6.907.400.000 VND).

Các giao dịch giữa Tổng Công ty và Công ty con, liên doanh, liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 7.2.

- (\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý do các khoản đầu tư này chưa niêm yết trên thị trường, Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại sàn giao dịch HNX và HOSE tại ngày 31/12/2025.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**  
Tầng 2 tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ,  
phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.3 Phải thu của khách hàng**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>192.601.841.745</b>	<b>234.047.734.910</b>
Phải thu khách hàng xây lắp liên quan đến hợp đồng thầu phụ có điều kiện (*)	96.537.187.370	97.798.287.928
Phải thu theo các hợp đồng xây lắp khác	44.045.030.899	71.234.181.674
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Inochina	5.540.563.853	66.008.750.857
+ Các đối tượng khác	38.504.467.046	5.225.430.817
Phải thu liên quan đến các hoạt động khác	52.019.623.476	65.015.265.308
<b>Tổng</b>	<b>192.601.841.745</b>	<b>234.047.734.910</b>
<i>Trong đó: Phải thu các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 7.2</i>	<i>53.134.834.705</i>	<i>89.034.996.886</i>

(\*) Theo các hợp đồng thầu phụ có điều kiện, Tổng Công ty chỉ thanh toán cho các nhà thầu phụ sau khi nhận tiền thanh toán của các công trình từ chủ đầu tư.

**5.4 Trả trước cho người bán**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Constrexim số 16	15.129.767.017	15.129.767.017
Công ty TNHH NKB Archi VIETNAM	6.434.900.000	6.434.900.000
Công ty TNHH CTX Số 1	39.806.280.521	39.806.280.143
Các nhà cung cấp khác	135.300.514.462	104.427.017.558
<b>Tổng</b>	<b>196.671.462.000</b>	<b>165.797.964.718</b>
<i>Trong đó trả trước các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 7.2</i>	<i>59.066.734.334</i>	<i>59.066.734.334</i>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**  
Tầng 2 tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.5 Các khoản phải thu khác**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>391.268.082.583</b>	<b>(25.981.741.545)</b>	<b>426.305.789.985</b>	<b>(25.981.741.545)</b>
Phải thu khác	375.694.564.270	(25.981.741.545)	402.491.139.983	(25.981.741.545)
Tạm ứng để thực hiện các hợp đồng xây lắp và dự án bất động sản	71.115.889.821	(25.981.741.545)	63.442.261.065	(25.981.741.545)
Phải thu lãi tiền gửi	7.154.246.575	-	-	-
Phải thu phần trả hệ vốn góp	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Phải thu Công ty con khác	9.802.308.986	-	18.631.261.144	-
Công ty Cổ phần Đầu tư INDOCHINA (i)	4.500.000.000	-	309.937.157.604	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Sum Lâm (ii)	10.634.961.284	-	9.480.460.170	-
Công ty cổ phần ICP (iii)	271.487.157.604	-	-	-
Tạm ứng để thực hiện các hoạt động khác	15.573.518.313	-	23.814.650.002	-
<b>Dài hạn</b>	<b>3.450.141</b>	<b>-</b>	<b>3.450.141</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	3.450.141	-	3.450.141	-
<b>Tổng</b>	<b>391.271.532.724</b>	<b>(25.981.741.545)</b>	<b>426.309.240.126</b>	<b>(25.981.741.545)</b>
<b>Trong đó phải thu các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh 7.2</b>	<b>296.424.427.874</b>	<b>-</b>	<b>338.048.878.918</b>	<b>-</b>

(i): Căn cứ vào Hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh giữa Tổng Công ty và Công ty cổ phần Đầu tư INDOCHINA số 05/HTKD/CTX-IC ngày 20/12/2023.

(ii): Căn cứ vào Hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần địa ốc Sum Lâm số 04/HTKD/CTX-SL ngày 20/12/2023.

(iii): Căn cứ vào Hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần ICP số 01/HTKD/CTX-ICP ngày 01/9/2025.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.6 Nợ xấu

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	155.089.630.829	-	156.350.731.387	-
Trong đó:				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	100.460.952.114	-	101.722.052.672	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	28.646.937.170	-	28.646.937.170	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	25.981.741.545	-	25.981.741.545	-

Các khoản nợ xấu này đã được Tổng Công ty trích lập dự phòng với số tiền 155,08 tỷ đồng.

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	295.483.041.936	-	26.086.585.769	-
Tổng	295.483.041.936	-	26.086.585.769	-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Tầng 2 tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.8 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
<b>a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>266.264.302</b>	<b>5.117.114.693.357</b>	<b>5.042.290.515.953</b>	<b>75.090.441.706</b>
Thuế giá trị gia tăng	5.296.434	75.115.256.933	75.115.256.933	5.296.434
Thuế thu nhập doanh nghiệp	194.941.770	75.023.251.563	199.074.159	75.019.119.174
Phát sinh trong năm	194.941.770	75.019.170.823	194.993.419	75.019.119.174
Truy nộp thuế các năm trước		4.080.740	4.080.740	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	66.026.098	3.000.000	3.000.000	66.026.098
Thuế nhà đất, tiền thuê đất, tiền sử dụng đất	-	4.966.902.855.914	4.966.902.855.914	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	70.328.947	70.328.947	-
<b>b. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>	<b>1.424.739.531</b>	<b>851.894.514</b>	<b>854.140.499</b>	<b>1.426.985.516</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.411.347.052	-	2.245.985	1.413.593.037
Thuế thu nhập cá nhân	11.551.600	851.894.514	851.894.514	11.551.600
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.840.879	-	-	1.840.879

Tổng Công ty đã căn trừ khoản thuế giá trị gia tăng đã nộp hai lần cho cơ quan thuế trong các năm 2006 và 2007 với cùng một số tiền là 29,6 tỷ đồng với thuế giá trị gia tăng phải trả trong tháng 12 năm 2011. Khoản thuế nộp hai lần này phát sinh do doanh thu bên liên quan đã được coi là doanh thu chịu thuế do đoàn thanh tra khác của Cục thuế Thành phố Hà Nội ký ngày 27/6/2006 và Biên bản thanh tra thuế cho năm 2006 và 5 tháng đầu năm 2007 do một đoàn thanh tra khác của Cục thuế Hà Nội ký ngày 25/10/2007. Tổng Công ty đang trình làm việc với cơ quan thuế để xử lý vấn đề này.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2025	3.624.417.692	3.003.318.129	457.573.068	729.251.596	7.814.560.485
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	3.624.417.692	3.003.318.129	457.573.068	729.251.596	7.814.560.485
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2025	2.602.281.472	3.003.318.129	443.581.958	729.251.596	6.778.433.155
Tăng trong năm	151.298.034	-	10.493.334	-	161.791.368
Khấu hao trong năm	151.298.034	-	10.493.334	-	161.791.368
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	2.753.579.506	3.003.318.129	454.075.292	729.251.596	6.940.224.523
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2025	1.022.136.220	-	13.991.110	-	1.036.127.330
Tại 31/12/2025	870.838.186	-	3.497.776	-	874.335.962

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025: 4.158.682.793 đồng (tài ngày 31/12/2024: 4.158.682.793 đồng).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.10 Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>a. Bất động sản đầu tư</b>				
<b>Nguyên giá</b>	<b>34.003.079.625</b>	-	-	<b>34.003.079.625</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc (i)	32.677.383.198	-	-	32.677.383.198
- Tài sản khác	1.325.696.427	-	-	1.325.696.427
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>23.380.277.069</b>	<b>1.326.059.316</b>	-	<b>24.706.336.385</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc (i)	22.054.580.642	1.326.059.316	-	23.380.639.958
- Tài sản khác	1.325.696.427	-	-	1.325.696.427
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>10.622.802.556</b>	<b>(1.326.059.316)</b>	-	<b>9.296.743.240</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc (i)	10.622.802.556	(1.326.059.316)	-	9.296.743.240

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty là nhà văn phòng và một số công trình khác tại Khu đô thị mới Yên Hòa được Tổng Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán riêng.

(i) Bao gồm nhóm nhà cửa và vật kiến trúc là các tầng 1 thuộc các tòa nhà CT3, CT4-5 và CT6 trong Dự án Khu đô thị mới Yên Hòa với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025 là 3.473.445.011 VND (Tại ngày 31/12/2024 là 3.786.838.545 VND). Các tài sản này được Tổng Công ty ghi nhận là tài sản của Tổng Công ty trên cơ sở áp dụng Quyết định số 153/2006/QĐ-UBND ngày 31/08/2006 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định tạm thời về quản lý đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án Khu đô thị mới, Khu nhà ở trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Theo đó, Tổng Công ty với tư cách là chủ đầu tư được quản lý, sử dụng toàn bộ tầng 1 nhà chung cư cao tầng để sử dụng vào mục đích kinh doanh dịch vụ công ích đô thị, phục vụ cho việc quản lý duy trì khu dân cư, có trách nhiệm tổ chức việc quản lý, vận hành khu chung cư theo đúng quy định của Nhà nước và Thành phố. Xem thêm Thuyết minh số 7.2 về cam kết của Tổng Công ty liên quan đến các tài sản này.

Ngoài ra, trong nhóm Nhà cửa, vật kiến trúc này còn bao gồm các tầng tum, tầng hầm và sân tầng 1 thuộc tòa nhà CT3, CT6 trong Khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025 là 3.882.543.007 VND (Tại ngày 31/12/2024 là 4.346.640.490 VND). Tổng Công ty đã ghi nhận các tài sản này là các tài sản của Tổng Công ty dựa trên Công văn số 09/BXD-QLN của Bộ Xây dựng ngày 07/01/2013. Tổng Công ty và các cơ quan Nhà nước hữu quan và các bên liên quan khác đang trong quá trình làm việc để hoàn tất hồ sơ pháp lý về quyền sở hữu và quyền sử dụng liên quan đến các tài sản nêu trên.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**  
Tầng 2 tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ,  
phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN**  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Dài hạn</b>		
Dự án Toà nhà hỗn hợp Constrexim Complex (A1)	-	464.492.561.593
Dự án Tòa nhà VP và Thương mại Constrexim Plaza (E2)	86.979.303.953	84.503.234.612
Dự án nhà ở Nam Hồng	427.897.427	-
<b>Tổng</b>	<b>87.407.201.380</b>	<b>548.995.796.205</b>

**5.12 Chi phí trả trước**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>174.824.703</b>	<b>132.424.220</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	174.824.703	132.424.220
<b>Dài hạn</b>	<b>498.615.722</b>	<b>329.980.301</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	498.615.722	329.980.301
<b>Tổng</b>	<b>673.440.425</b>	<b>462.404.521</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**  
Tầng 2 tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.13 Phải trả người bán**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>178.887.448.313</b>	<b>178.887.448.313</b>	<b>158.981.820.222</b>	<b>158.981.820.222</b>
Phải trả cho các nhà thầu phụ liên quan đến các hợp đồng thầu phụ có điều kiện (*)	128.389.267.909	128.389.267.909	125.465.291.778	125.465.291.778
Công ty Cổ phần Constrexim Meco	44.336.298.502	44.336.298.502	44.336.298.502	44.336.298.502
Các nhà thầu khác	84.052.969.407	84.052.969.407	81.128.993.276	81.128.993.276
Phải trả theo các hợp đồng xây lắp khác	34.296.288.094	34.296.288.094	12.292.155.600	12.292.155.600
Phải trả liên quan đến các hoạt động đầu tư dự án	15.971.847.678	15.971.847.678	17.530.331.702	17.530.331.702
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt San	10.737.893.816	10.737.893.816	10.737.893.816	10.737.893.816
(xem thuyết minh số 7.1)	5.233.953.862	5.233.953.862	6.792.437.886	6.792.437.886
Các nhà thầu khác	230.044.632	230.044.632	3.694.041.142	3.694.041.142
Phải trả liên quan đến các hoạt động khác				
<b>Tổng</b>	<b>178.887.448.313</b>	<b>178.887.448.313</b>	<b>158.981.820.222</b>	<b>158.981.820.222</b>
<i>Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 7.2</i>	<i>17.901.606.313</i>	<i>17.901.606.313</i>	<i>17.901.606.783</i>	<i>17.901.606.783</i>

(\*) Theo các hợp đồng thầu phụ có điều kiện, Tổng Công ty chi thanh toán cho các nhà thầu phụ sau khi nhận được tiền thanh toán cho công trình từ chủ đầu tư.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**  
Tầng 2 tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ,  
phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.14 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Người mua ứng cho các công trình xây lắp:	24.010.629.890	23.920.629.890
<i>BQL dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại Giao</i>	<i>1.339.112.346</i>	<i>1.339.112.346</i>
<i>Sở Văn hóa Thể thao Du lịch tỉnh Nghệ An</i>	<i>15.999.217.117</i>	<i>15.999.217.117</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>6.672.300.427</i>	<i>6.582.300.427</i>
Các đối tượng khác	5.604.929.166	4.804.529.169
<b>Tổng</b>	<b>29.615.559.056</b>	<b>28.725.159.059</b>
<i>Trong đó người mua trả tiền trước là các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 7.2</i>	<i>4.045.175.999</i>	<i>3.154.776.002</i>

**5.15 Chi phí phải trả**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>243.531.253.069</b>	<b>193.369.740.674</b>
Trích trước giá vốn chuyển nhượng Dự án tòa nhà Trung tâm thương mại và dịch vụ D28	104.371.163.237	104.371.163.237
Chi phí xây dựng trích trước cho dự án Tây Hồ Park view	27.894.925.639	27.894.925.639
Trích trước chi phí lãi vay	1.163.852.393	-
Chi phí trích trước cho hợp đồng xây lắp nhà số 1&5 đường Lê Duẩn, thành phố Hồ Chí Minh	26.393.006.926	26.393.006.926
Chi phí trích trước Dự án Khu đô thị mới Yên Hòa	8.783.450.755	10.977.606.591
Chi phí phải trả của Dự án Tòa nhà Văn phòng PVI	11.350.219.088	11.350.219.088
CP trích trước cho công trình FPT Tower	2.543.018.577	2.543.018.577
Chi phí trích trước Dự án Tòa nhà hỗn hợp Constrexim Complex (A1)	50.112.860.735	-
Chi phí khác	10.918.755.719	9.839.800.616
<b>Dài hạn</b>	<b>301.861.552.504</b>	<b>141.629.075.946</b>
Dự án Khu đô thị mới Yên Hòa	23.604.623.892	22.408.891.636
Dự phòng trợ cấp thôi việc	291.614.310	291.614.310
Khoản phải trả Dự án Tòa nhà hỗn hợp Constrexim Complex (A1) (TM7.1)	277.965.314.302	118.928.570.000
<b>Tổng</b>	<b>545.392.805.573</b>	<b>334.998.816.620</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**  
Tầng 2 tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính**

a. Vay	31/12/2025		Trong năm		01/01/2025		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay ngắn hạn</b>							
Trần Minh Sơn (1)	246.574.490.377	246.574.490.377	146.574.490.377	48.160.000.000	148.160.000.000	148.160.000.000	
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (2)	100.000.000.000	100.000.000.000	-	48.160.000.000	148.160.000.000	148.160.000.000	
	146.574.490.377	146.574.490.377	146.574.490.377	-	-	-	
<b>Tổng</b>	<b>246.574.490.377</b>	<b>246.574.490.377</b>	<b>146.574.490.377</b>	<b>48.160.000.000</b>	<b>148.160.000.000</b>	<b>148.160.000.000</b>	

**Thông tin cho khoản vay ngắn hạn:**

- Hợp đồng vay vốn số 02/3/2016/HĐVV ngày 02/3/2016. Thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày giải ngân phần vốn vay đầu tiên. Lãi suất vay được ấn định là 6%/năm và không thay đổi trong suốt thời hạn vay. Hai bên đã thống nhất theo Biên bản thỏa thuận, Tổng công ty không phải trả bất kỳ khoản lãi, phạt hay bất kỳ nghĩa vụ nào khác và được miễn trừ toàn bộ trách nhiệm/nghĩa vụ theo Quyết định 419/2022/DS-PT ngày 17/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.
- Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2025/350 HĐTD ngày 29/8/2025 và Hợp đồng số 02/2025/350 HĐTD ngày 01/10/2025 giữa bên cho vay: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Bên vay: Tổng công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Việt Nam, hạn mức thấu chi: 400.000.000.000 đồng, trong đó số tiền giải ngân là 146.574.490.377 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay: kể từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 02/3/2026 và ngày 01/4/2026. Lãi suất cho vay: 4,5%/năm.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**Tầng 2 tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường  
Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.17 Phải trả khác**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>332.894.734.099</b>	<b>333.282.168.139</b>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	332.894.734.099	333.282.168.139
<i>Phải trả liên quan đến thanh lý hợp đồng thuê VP</i>	<i>5.853.507.071</i>	<i>5.231.471.447</i>
<i>Phải trả cổ tức cho các cổ đông</i>	<i>2.155.149.757</i>	<i>2.155.149.757</i>
<i>Tiền đặt cọc để mua cổ phần trong Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu</i>	<i>1.800.000.000</i>	<i>1.800.000.000</i>
<i>Phải trả lãi tiền vay</i>	-	<i>50.941.107.533</i>
<i>Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Phúc Thịnh (i)</i>	<i>50.000.000.000</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu (ii)</i>	<i>45.914.857.794</i>	<i>46.136.215.824</i>
<i>Công ty TNHH Đầu tư C.T.L (iii)</i>	<i>190.694.048.810</i>	<i>191.544.048.810</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>36.477.170.667</i>	<i>35.474.174.768</i>
<b>Dài hạn</b>	<b>955.159.887</b>	-
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	955.159.887	-
<b>Tổng</b>	<b>333.849.893.986</b>	<b>333.282.168.139</b>
<i>Trong đó phải trả khác là các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 7.2</i>	<i>262.996.129.636</i>	<i>265.931.395.264</i>

(i) Hợp đồng nguyên tắc số 28/2025/HĐNT/CTX-PT ngày 28/11/2025 giữa Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam và Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Phúc Thịnh về việc hợp tác đầu tư Dự án khu nhà ở Nam Hồng.

(ii) Căn cứ vào Hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh giữa Tổng Công ty và Công ty số 02/HTKD/LN-CTX ngày 20/12/2023.

(iii) Căn cứ vào Hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh giữa Tổng Công ty và Công ty số 01/HTKD/CTL-CTX ngày 20/12/2023.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Tầng 2 tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường  
Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.18 Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	789.072.760.000	258.395.916.488	1.047.468.676.488
Lãi trong năm trước	-	706.527.797	706.527.797
Số dư tại 31/12/2024	789.072.760.000	259.102.444.285	1.048.175.204.285
Số dư tại 01/01/2025	789.072.760.000	259.102.444.285	1.048.175.204.285
Lãi trong năm nay	-	199.835.608.981	199.835.608.981
Số dư tại 31/12/2025	789.072.760.000	458.938.053.266	1.248.010.813.266

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Vốn góp của các Cổ đông	789.072.760.000	789.072.760.000
Tổng	789.072.760.000	789.072.760.000

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	789.072.760.000	789.072.760.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	789.072.760.000	789.072.760.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	78.907.276	78.907.276
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	78.907.276	78.907.276
Cổ phiếu phổ thông	78.907.276	78.907.276
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	78.907.276	78.907.276
Cổ phiếu phổ thông	78.907.276	78.907.276
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Tầng 2 tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường  
Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu chuyển nhượng dự án	5.850.029.948.182	-
Doanh thu cho thuê nhà	8.306.792.376	6.850.000.000
Doanh thu quản lý dự án	9.755.262.085	7.022.350.457
Doanh thu khác	895.937.270	-
<b>Tổng</b>	<b>5.868.987.939.913</b>	<b>13.872.350.457</b>
<i>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh 7.2</i>	<i>14.474.190.187</i>	<i>13.827.155.229</i>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn chuyển nhượng dự án	5.605.314.380.817	-
Giá vốn cho thuê nhà	1.632.474.340	1.326.059.316
Giá vốn quản lý dự án	8.848.016.373	6.388.853.747
Giá vốn khác	814.488.427	-
<b>Tổng</b>	<b>5.616.609.359.957</b>	<b>7.714.913.063</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	15.846.814.527	1.248.234.123
Cổ tức, lợi nhuận được chia	59.214.900	45.489.900
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	725.792
<b>Tổng</b>	<b>15.906.029.427</b>	<b>1.294.449.815</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**Tầng 2 tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường  
Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi vay	1.163.852.393	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	(23.386.456.623)	(4.950.309.049)
<b>Tổng</b>	<b>(22.222.604.230)</b>	<b>(4.950.309.049)</b>

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>15.536.915.337</b>	<b>11.381.271.716</b>
Chi phí nhân viên quản lý	10.837.608.968	5.325.715.849
Chi phí đồ dùng văn phòng	389.239.665	445.891.371
Chi phí khấu hao TSCĐ	161.791.368	161.791.368
Thuế phí và lệ phí	2.051.428.486	2.925.566.730
Chi phí dự phòng	(1.261.100.558)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.298.743.615	2.485.856.693
Chi phí bằng tiền khác	59.203.793	36.449.705
<b>Tổng</b>	<b>15.536.915.337</b>	<b>11.381.271.716</b>

**6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập khác	548.382.448	552.000.000
<b>Tổng</b>	<b>548.382.448</b>	<b>552.000.000</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí nộp phạt vi phạm hành chính	36.500.000	5.208.160
Chi phí không được trừ	79.144.692	114.246.815
Chi phí khác	548.256.228	552.000.000
<b>Tổng</b>	<b>663.900.920</b>	<b>671.454.975</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuận)</b>	<b>(115.518.472)</b>	<b>(119.454.975)</b>

*Trong đó: Thu nhập khác với các bên liên quan trình  
bày tại Thuyết minh 7.2*

266.000.378

552.000.000



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**Tầng 2 tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường  
Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>274.854.779.804</b>	<b>901.469.567</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	100.300.289.212	119.454.975
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>115.644.692</i>	<i>119.454.975</i>
<i>Chi phí lương HDQT/BKS không trực tiếp</i>	<i>264.000.000</i>	-
<i>Chi phí dự án</i>	<i>99.920.644.520</i>	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	59.214.900	46.215.692
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>59.214.900</i>	<i>45.489.900</i>
<i>Chênh lệch tỷ giá của tiền gửi cuối năm</i>	<i>-</i>	<i>725.792</i>
<b>Tổng thu nhập tính thuế</b>	<b>375.095.854.116</b>	<b>974.708.850</b>
Thuế suất TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>75.019.170.823</b>	<b>194.941.770</b>

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân công	19.442.765.117	10.836.468.185
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.487.850.684	1.487.850.684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	272.382.969.346	3.158.682.429
Chi phí khác bằng tiền	4.175.866.055	4.667.538.968
Chi phí dự phòng	(1.261.100.558)	-
<b>Tổng</b>	<b>296.228.350.644</b>	<b>20.150.540.266</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.1 Các cam kết và sự kiện tiềm tàng****Cam kết bàn giao lại cơ sở hạ tầng cho thành phố**

Theo Công văn số 985/UB-NNĐC do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành ngày 31/3/2004, diện tích tầng 1 các tòa cao tầng trong khu đô thị mới Yên Hòa do Nhà nước thống nhất quản lý và Tổng Công ty có trách nhiệm bàn giao diện tích tầng 1 này cho Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội theo quy định. Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với các cơ quan chức năng để xử lý các nội dung này.

**Cam kết thuê hoạt động**

Tổng Công ty đang thuê một số lô đất tại quận Cầu Giấy, Hà Nội theo hợp đồng ký năm 2016 để tái đầu tư các dự án Bất động sản, với thời hạn thuê là 50 năm.

**Các tài sản thuộc Khu đô thị Yên Hòa**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.10, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với các cơ quan nhà nước hữu quan và các bên liên quan khác để hoàn tất hồ sơ pháp lý về quyền sở hữu và quyền sử dụng đối với một số tài sản thuộc tòa nhà CT3 và CT6 trong khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa. Tổng Công ty tin tưởng rằng kết quả cuối cùng của các cơ quan nhà nước hữu quan sẽ có lợi cho Tổng Công ty nên Tổng Công ty tiếp tục ghi nhận các tài sản này là tài sản của Tổng Công ty trên Báo cáo tài chính riêng.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Tầng 2 tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường  
Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.2 Thông tin về các bên liên quan**

*Các bên liên quan của Tổng Công ty như sau:*

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hoà Bình Fundings	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thăng Long Fundings	Cổ đông lớn
Công ty cổ phần Du lịch Thương mại Mỹ Kinh	Công ty liên quan người nội bộ
Công ty TNHH CTX số 1	Công ty con
Công ty TNHH Apas Hospitality	Công ty con
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Constrexim	Công ty con
Công ty CP Đầu tư Indochina	Công ty con
Công ty cổ phần ICP	Công ty con
Công ty CP Địa ốc Sum Lâm	Công ty con
Công ty CP Thủy điện La Ngâu	Công ty con
Công ty CP Ocean View Nha Trang	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	Công ty con
Công ty TNHH CTX Số 2	Công ty con
Công ty CP Constrexim Đức Tân Long	Công ty liên kết
Công ty CP Constrexim Hồng Hà	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư và Tư vấn xây dựng Constrexim (ICC)	Công ty liên kết
Công ty CP Constrexim Đông Đô	Công ty liên kết
Công ty CP ĐTXD và lắp máy Điện nước Constrexim Toàn Cầu	Công ty liên kết
Công ty CP ĐTXD Tư vấn Thiết kế Constrexim (CID)	Công ty liên kết
Công ty CP Xây lắp và Sản xuất Cầu kiện Constrexim	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát tham gia điều hành quản lý Tổng Công ty trong năm (chi tiết tại Báo cáo Ban Tổng Giám đốc trang 2-3 của Báo cáo tài chính riêng) và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Tầng 2 tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường  
Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Bên liên quan	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lương của Ban Tổng Giám đốc và Thủ lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	2.894.772.000	2.547.440.000
<b>Tổng</b>	<b>2.894.772.000</b>	<b>2.547.440.000</b>

*Chi tiết như sau:*

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>		<b>204.000.000</b>	<b>204.000.000</b>
Ông Phan Minh Tuấn	Chủ tịch	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Hưng	Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm ngày 21/11/2025)	33.000.000	36.000.000
Ông Trần Khanh	Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm ngày 21/11/2025)	33.000.000	36.000.000
Bà Chu Thị Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm ngày 21/11/2025)	33.000.000	36.000.000
Ông Lý Quốc Hùng	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Trần Anh Hải	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/11/2025)	3.000.000	-
Bà Hoàng Thị Hương Lan	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/11/2025)	3.000.000	-
Ông Phạm Sỹ Tiệp	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/11/2025)	3.000.000	-
<b>Ban kiểm soát</b>		<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>
Ông Lý Văn Khả	Trưởng BKS	36.000.000	36.000.000
Ông Trần Anh Tú	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 21/11/2025)	11.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Toàn Thắng	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 21/11/2025)	11.000.000	12.000.000
Ông Bùi Hồng Quang	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 21/11/2025)	1.000.000	-
Bà Phan Thị Tố Hoa	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 21/11/2025)	1.000.000	-
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		<b>2.630.772.000</b>	<b>2.283.440.000</b>
Ông Phan Minh Tuấn	Tổng Giám đốc	375.500.000	369.920.000
Ông Lý Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc	495.500.000	369.920.000
Bà Ngô Thị Thu Lý	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 11/8/2025)	576.227.000	877.920.000
Bà Hoàng Thị Hương Lan	Phó Tổng Giám đốc	599.245.000	359.240.000
Ông Đỗ Hải Bình	Phó Tổng Giám đốc	584.300.000	306.440.000
<b>Tổng</b>		<b>2.894.772.000</b>	<b>2.547.440.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**b. Số dư các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		<b>53.134.834.705</b>	<b>89.034.996.886</b>
Công ty CP Constrexim Đông Đô	Công ty liên kết	26.876.159	26.876.159
Công ty CP XL và SX cấu kiện Constrexim	Công ty liên kết	7.219.076.093	7.219.076.093
Công ty CP Đầu tư INDOCHINA	Công ty con	5.540.563.853	66.008.750.857
Công ty TNHH MTV CTX số 1	Công ty con	1.153.522.843	1.136.902.843
Công ty CP Đức Tân long - Constrexim	Công ty liên kết	892.649.712	892.649.712
Công ty TNHH Apas Hospitality	Công ty con	3.383.184.403	975.480.245
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	Công ty con	1.210.363.127	12.200.955.231
Công ty TNHH CTX số 2	Công ty con	31.740.000	21.600.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại Constrexim	Công ty con	601.852.743	519.312.429
Công ty CP Đầu tư INDOCHINA - CN KS Mường Hoa	Công ty con	-	33.392.917
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L- CN Pentstudio	Công ty con	103.337.631	400
Công ty cổ phần ICP	Công ty con	32.971.668.141	-
<b>Trả trước cho người bán</b>		<b>59.066.734.334</b>	<b>59.066.734.334</b>
Công ty CP Đầu tư xây dựng và lắp máy điện nước CONSTREXIM Toàn Cầu	Công ty liên kết	86.506.389	86.506.389
Công ty CP Constrexim Đông Đô	Công ty liên kết	4.693.097.282	4.693.097.282
Công ty CP XL và SX cấu kiện Constrexim	Công ty liên kết	7.544.509.825	7.544.509.825
Công ty CP Constrexim Hồng Hà	Công ty liên kết	557.758.267	557.758.267
Công ty TNHH MTV CTX Số 1	Công ty con	39.806.280.143	39.806.280.143
Công ty CP Đầu tư xây dựng và thương mại Constrexim	Công ty con	21.148.652	21.148.652
Công ty CP Đức Tân long - Constrexim	Công ty liên kết	1.173.304.065	1.173.304.065
Công ty CP Đầu tư xây dựng tư vấn thiết kế Constrexim	Công ty liên kết	5.184.129.711	5.184.129.711



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Số dư các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Phải thu khác</b>		296.424.427.874	338.048.878.918
Công ty TNHH CTX số 2	Công ty con	8.285.500	8.285.500
Công ty CP Đầu tư Indochina	Công ty con	4.500.000.000	309.937.157.604
Công ty TNHH Apas Hospitality	Công ty con	-	2.028.952.158
Công ty TNHH CTX Số 1	Công ty con	9.594.023.486	9.594.023.486
Công ty CP Đầu tư INDOCHINA - CN KS Mường Hoa	Công ty con	-	7.000.000.000
Công ty CP Địa ốc Sum Lâm	Công ty con	10.634.961.284	9.480.460.170
Công ty Cổ phần ICP	Công ty con	271.487.157.604	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại Constrexim	Công ty con	200.000.000	-
<b>Phải trả người bán</b>		17.901.606.313	17.901.606.783
Công ty CP Đầu tư xây dựng và lắp máy điện nước CONSTREXIM Toàn Cầu	Công ty liên kết	4.261.111.301	4.261.111.301
Công ty CP Constrexim Đồng Đô	Công ty liên kết	10.058.328.128	10.058.328.128
Công ty CP XL và SX cấu kiện Constrexim	Công ty liên kết	661.274.774	661.275.244
Công ty CP Constrexim Hồng Hà	Công ty liên kết	818.336.344	818.336.344
Công ty TNHH MTV CTX số 1	Công ty con	242.445.589	242.445.589
Công ty CP Đầu tư và tư vấn XD Constrexim - ICC	Công ty liên kết	19.970.000	19.970.000
Công ty CP Đầu tư xây dựng tư vấn thiết kế Constrexim (CID)	Công ty liên kết	1.840.140.177	1.840.140.177
<b>Người mua trả tiền trước</b>		4.045.175.999	3.154.776.002
Công ty CP Thủy điện La Ngâu	Công ty con	1.852.270.329	1.852.270.329
Công ty CP XL và SX cấu kiện Constrexim	Công ty liên kết	1.302.505.673	1.302.505.673
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	Công ty con	800.000.000	-
Công ty CP Đầu tư INDOCHINA	Công ty con	90.000.000	-
Công ty CP Đầu tư INDOCHINA - CN KS Mường Hoa	Công ty con	399.997	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Số dư các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải trả khác		262.996.129.636	265.931.395.264
Công ty TNHH CTX số 2	Công ty con	14.665.495	14.665.495
Công ty CP Đầu tư Indochina	Công ty con	48.000.000	-
Công ty CP OCEAN VIEW Nha Trang	Công ty con	26.324.557.537	26.347.665.600
Ông Trần Anh Tú	Thành viên Ban Kiểm soát	(*)	3.081.130.240
Công ty CP Thủy điện La Ngầu	Công ty con	45.914.857.794	45.953.921.964
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	Công ty con	190.694.048.810	190.534.011.965

(\*): Tại ngày 31/12/2025, Ông Trần Anh Tú không phải là bên liên quan.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Tầng 2 tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Các giao dịch bán hàng			14.474.190.187	13.827.155.229
Công ty TNHH Apas Hospitality	Công ty con	Cho thuê văn phòng	4.250.000.000	6.850.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina	Công ty con	Hoạt động quản lý dự án	5.375.307.763	4.838.713.216
Công ty CP Đầu tư INDOCHINA - CN KS Mường Hoa	Công ty con	Hoạt động quản lý dự án	2.065.819.389	30.087.604
		Phí tập huấn	565.397.306	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Constrexim	Công ty con	Hoạt động quản lý dự án	60.037.327	122.035.882
Công ty TNHH Apas Hospitality	Công ty con	Hoạt động quản lý dự án	286.584.022	150.907.948
Công ty Cổ phần Địa ốc Sum Lâm	Công ty con	Hoạt động quản lý dự án	98.482.513	315.458.615
Công ty CP OCEAN VIEW Nha Trang	Công ty con	Hoạt động quản lý dự án	12.007.465	52.362.926
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	Công ty con	Hoạt động quản lý dự án	863.248.051	1.123.375.963
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L- CN Pentstudio	Công ty con	Hoạt động quản lý dự án	209.963.496	26.769.481
		Phí tập huấn	95.682.621	-
Công ty TNHH MTV CTX số 1	Công ty con	Hoạt động quản lý dự án	-	8.691.390
Công ty Cổ phần thủy điện La Ngâu	Công ty con	Hoạt động quản lý dự án	149.275.954	308.752.204
Công ty Cổ phần ICP	Công ty con	Hoạt động quản lý dự án	442.384.280	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Các giao dịch mua hàng</b>				
Công ty CP Đầu tư INDOCHINA - CN KS Mường Hoa	Công ty con	Dịch vụ	281.818.077	-
Công ty Cổ phần ICP	Công ty con	Dịch vụ	263.166.987	-
<b>Thu nhập khác</b>			18.651.090	-
			266.000.378	552.000.000
Công ty TNHH Apas Hospitality	Công ty con	Phí bảo trì phần mềm kế toán, Phí kiểm toán	46.500.000	40.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina	Công ty con	Phí bảo trì phần mềm kế toán, Phí kiểm toán	31.500.000	96.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Constrexim	Công ty con	Phí bảo trì phần mềm kế toán, Phí kiểm toán	16.500.000	40.500.000
Công ty TNHH CTX số 2	Công ty con	Phí bảo trì phần mềm kế toán, Phí kiểm toán	9.500.000	29.500.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sum Lâm	Công ty con	Phí bảo trì phần mềm kế toán, Phí kiểm toán	9.500.000	29.500.000
Công ty CP OCEAN VIEW Nha Trang	Công ty con	Phí bảo trì phần mềm kế toán, Phí kiểm toán	9.500.000	29.500.000
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	Công ty con	Phí bảo trì phần mềm kế toán, Phí kiểm toán	71.500.000	154.500.000
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L- CN Pentstudio	Công ty con	Phí bảo trì phần mềm kế toán, Phí kiểm toán	16.500.000	16.500.000
Công ty TNHH MTV CTX số 1	Công ty con	Phí bảo trì phần mềm kế toán, Phí kiểm toán	15.500.378	35.500.000
Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	Công ty con	Phí bảo trì phần mềm kế toán, Phí kiểm toán	9.500.000	29.500.000
Công ty CP Đầu tư INDOCHINA - CN KS Mường Hoa	Công ty con	Phí bảo trì phần mềm kế toán, Phí kiểm toán	30.000.000	50.000.000





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Tầng 2 tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường  
Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.3 Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán**

Ngày 06/02/2026, Tổng Công ty đã hoàn tất toàn bộ thủ tục liên quan đến việc Phát hành 21.499.464 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-CTX-ĐHĐCĐ ngày 27/6/2025.

**7.4 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính riêng là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập/Kế toán trưởng

**Đỗ Quốc Việt**

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026

**T.UQ Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc**



**Hoàng Thị Hương Lan**

